

Ngày	8,670 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.7%	-1.4%	-2.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,100 - 11,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	94
Số lượng CPLH (CP)	10,799,351
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,465
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	0.17
EPS	987
P/E	8.8

DT thuần

Q1/24

135

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.00| -3.8%

YoY: ▼35.0| -20.8%

LN trước thuế

Q1/24

2.50

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.59| 149%

YoY: ▼1.19| -32.2%

LN sau thuế

Q1/24

2.41

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.17| 151%

YoY: ▼1.13| -31.9%

ROA

2023

3.1%

+/- YoY: ▲ 0.6%

DT thuần

2023

653

tỷ VNĐ

YoY: ▼58.0| -8.1%

LN trước thuế

2023

23.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.50| 30.8%

LN sau thuế

2023

16.8

tỷ VNĐ

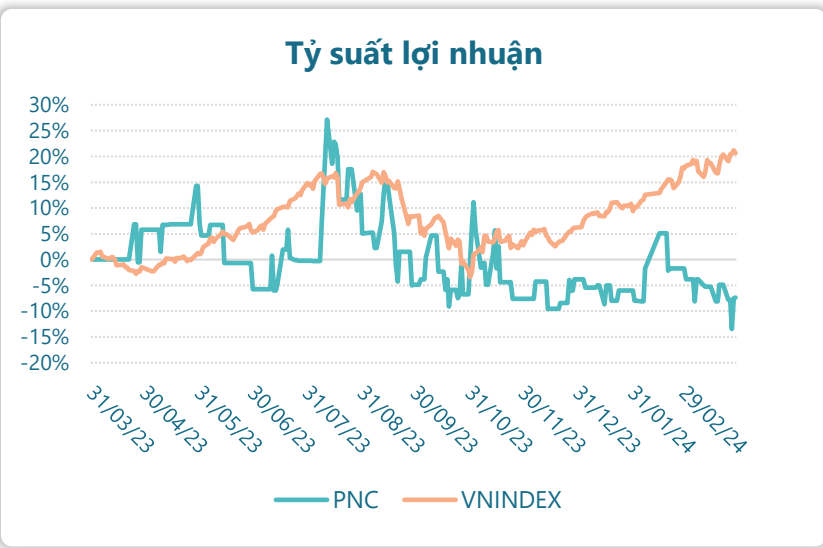
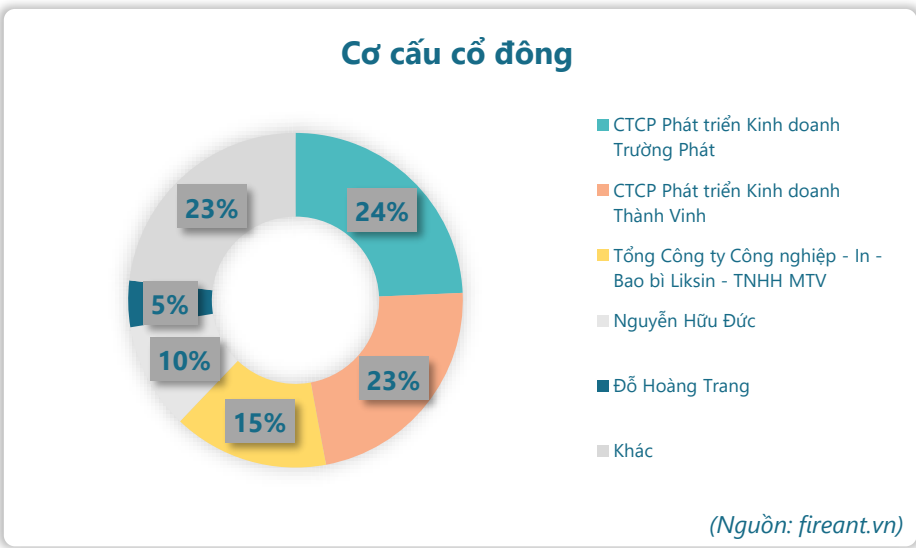
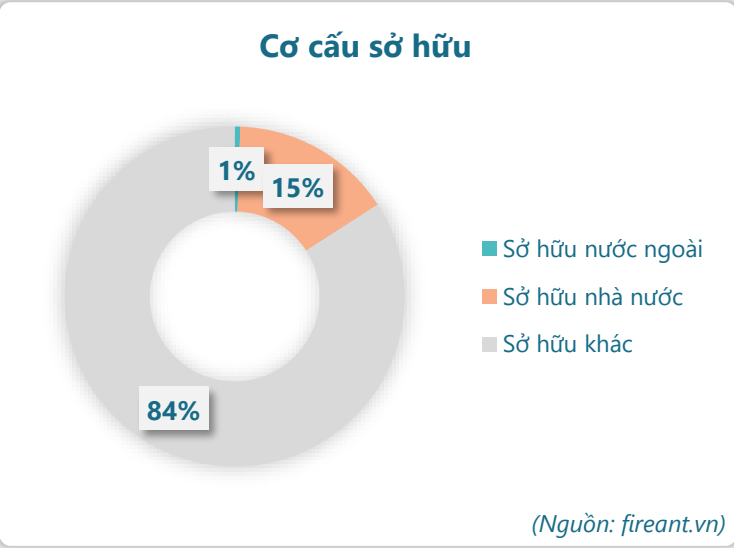
YoY: ▲ 3.50| 26.6%

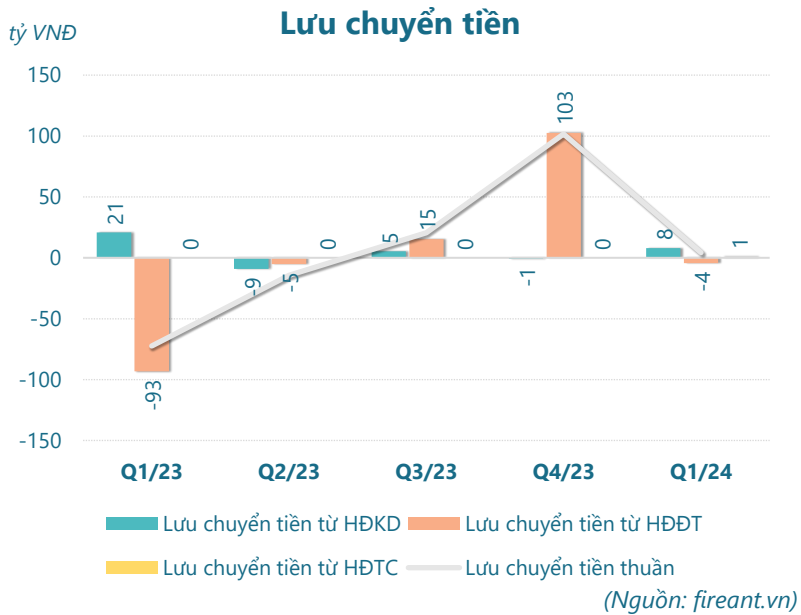
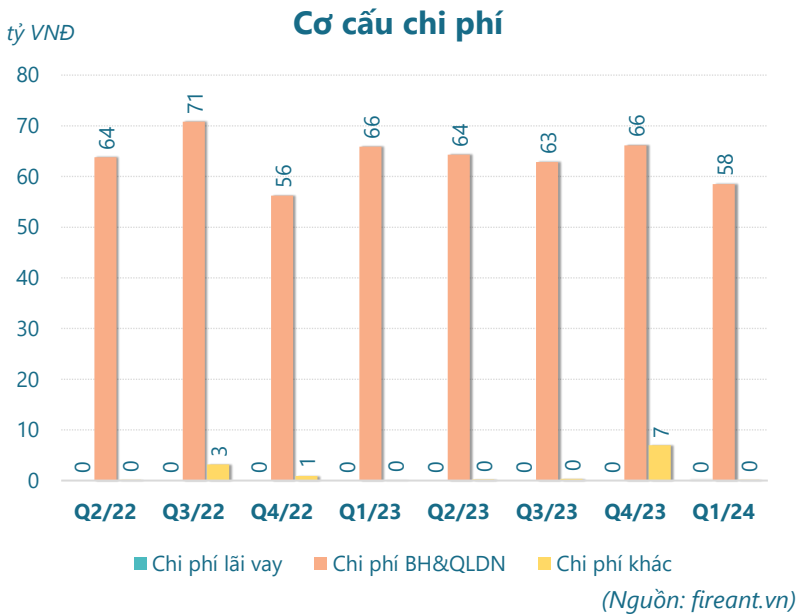
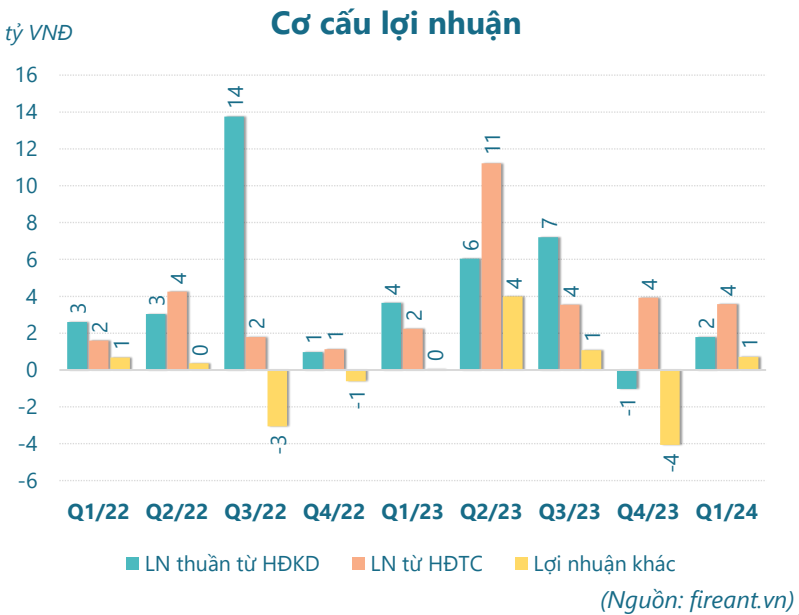
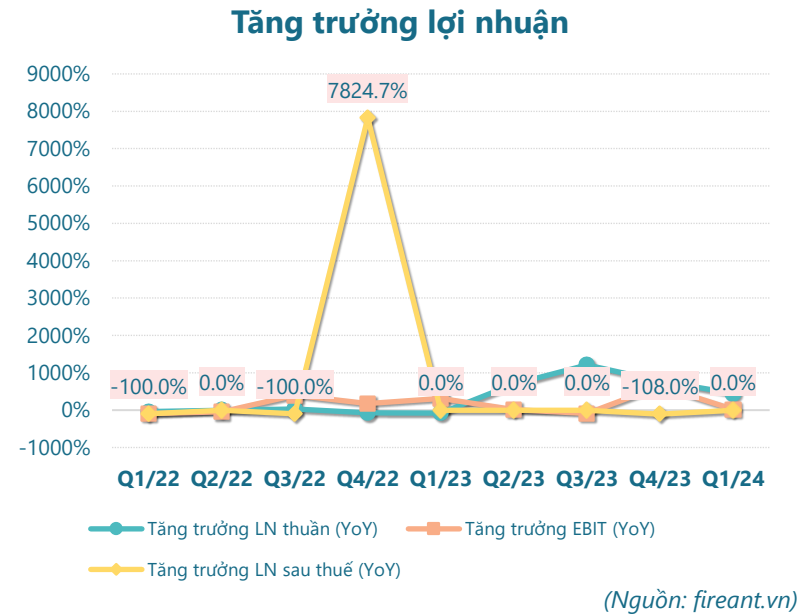
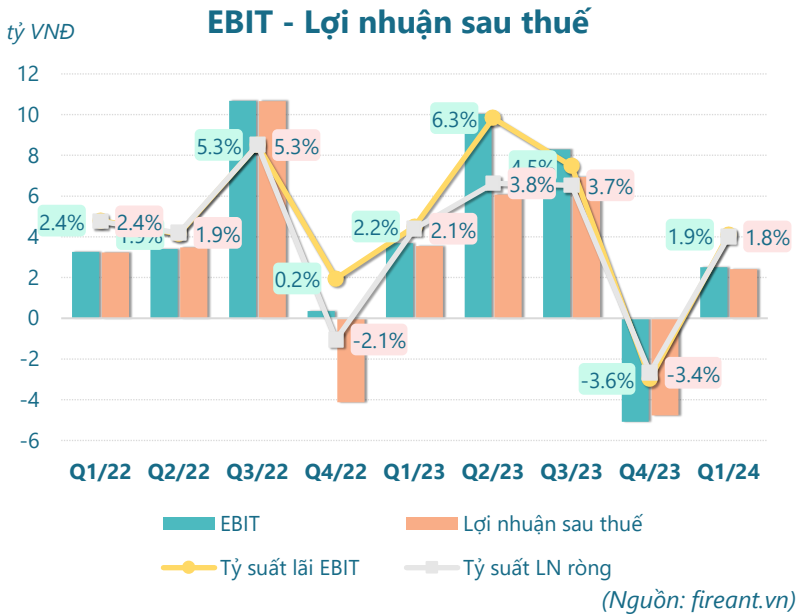
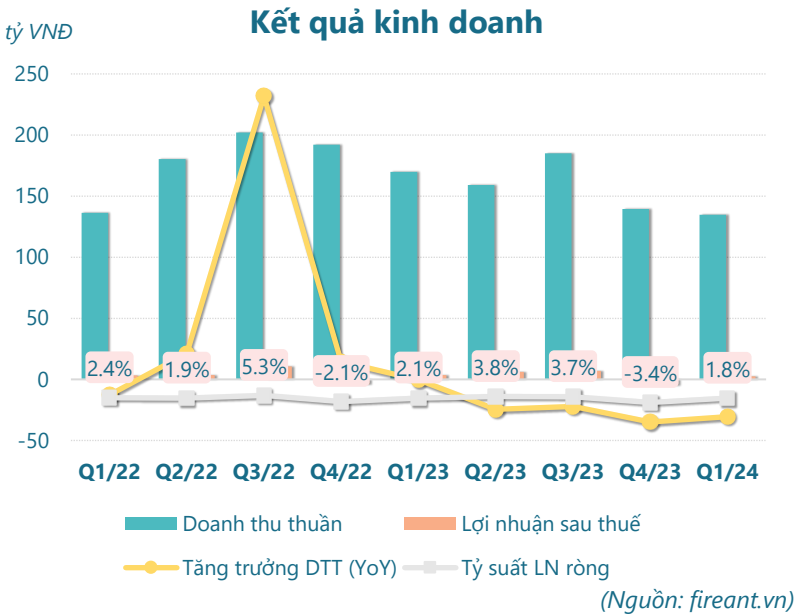
ROE

2023

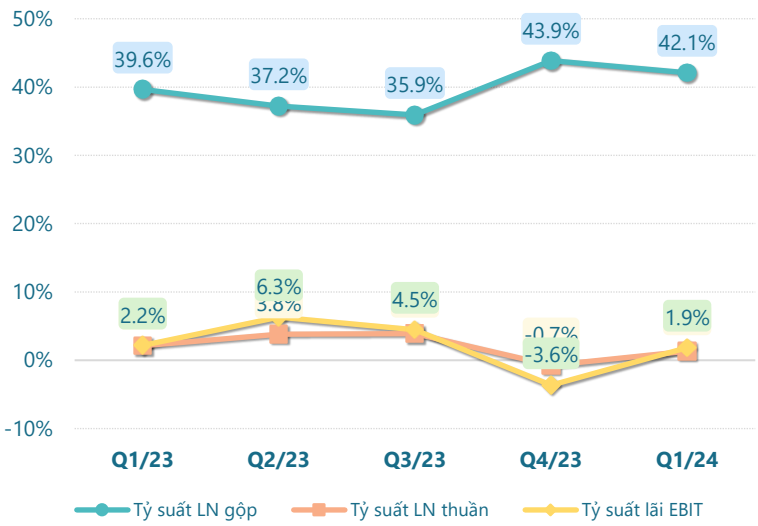
9.7%

+/- YoY: ▲ 1.3%



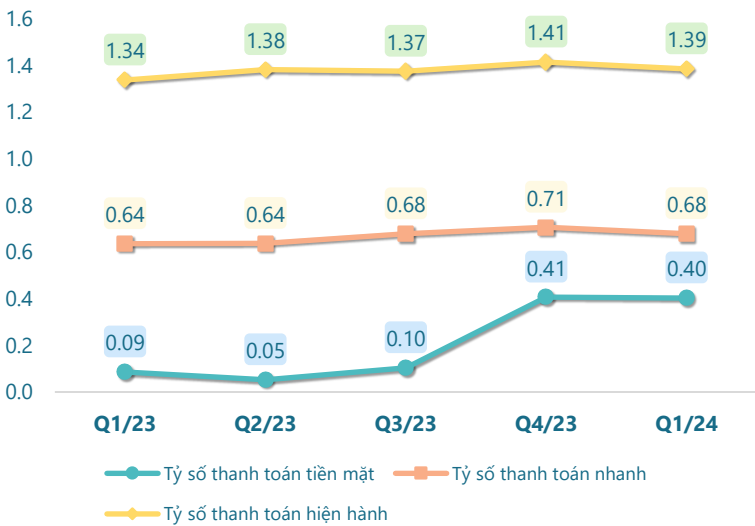


Tỷ suất lợi nhuận



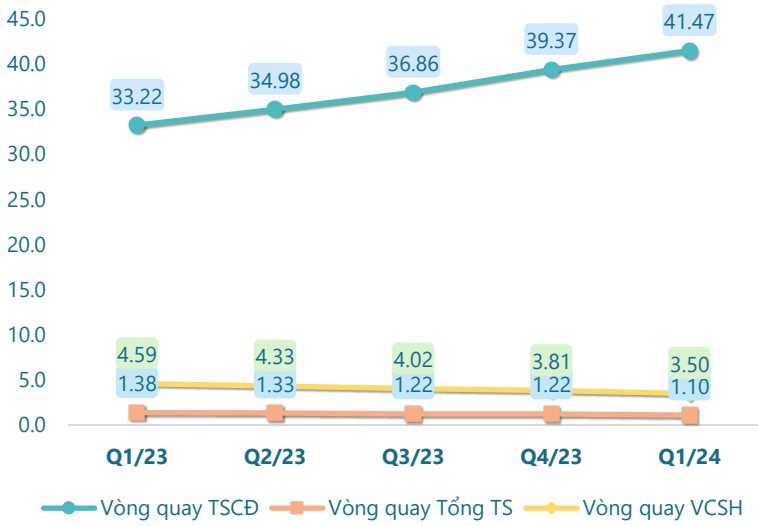
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



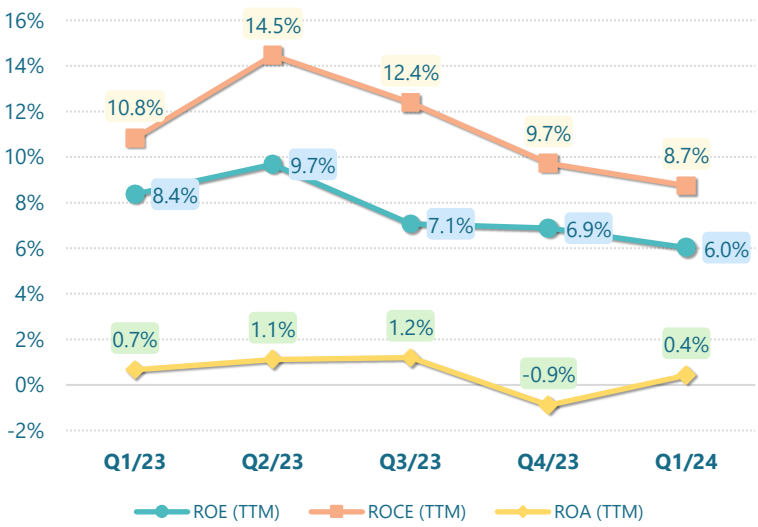
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



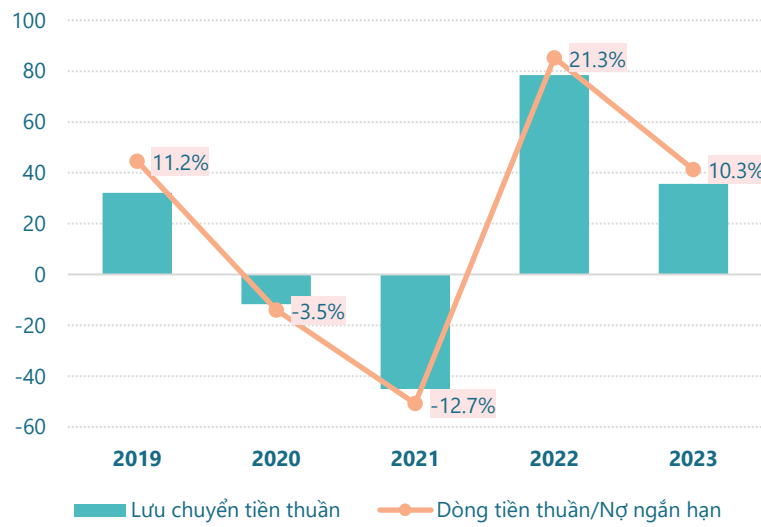
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



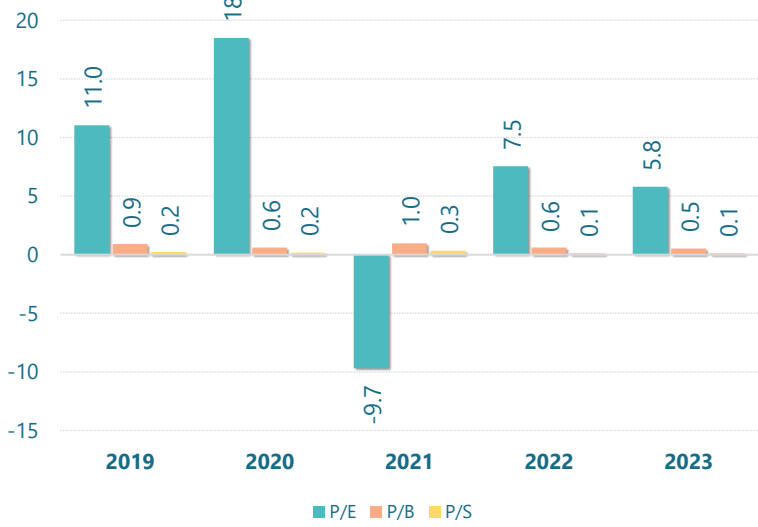
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)